

Số: /TTr-SNNMT

Tuyên Quang, ngày tháng ... năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh**  
**Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí**  
**hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

- Khoản 2 Điều 182 Luật Đất đai năm 2024 quy định “Nhà nước có chính sách hỗ trợ, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại cho vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao; bảo vệ đất trồng lúa,...”.

- Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa quy định trách nhiệm của địa phương: “Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này”.

- Điểm d khoản 4 Điều 21 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai quy định “d) Các Điều 11, 12 và 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa” hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, công tác cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh đã được triển khai từng bước và đạt được những kết quả tích cực. Nhiều biện pháp kỹ thuật đã được áp dụng như cải tạo lý hóa tính đất, tăng cường dinh dưỡng và vi sinh vật cho đất thông qua sử dụng vôi, phân hữu cơ, phân vi sinh, phân bón chuyên dụng và các chế phẩm sinh học; triển khai các biện pháp canh tác bền vững như luân canh cây trồng, quản lý nước hợp lý, che phủ đất nhằm hạn chế xói mòn, suy thoái đất. Đồng thời, tỉnh đã chú trọng chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất lúa thông qua xây dựng các mô hình trình diễn giống mới, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm và tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho người dân. Cùng với đó, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất lúa được đầu tư, nâng cấp, đặc biệt là *kiên cố hoá kênh mương phục vụ tưới tiêu, bê tông hoá đường giao thông nội đồng...* Đến nay, toàn tỉnh có 7.203 công trình kết cấu hạ tầng thủy lợi, bảo đảm cấp nước tưới cho trên 79.700 ha đất sản xuất mỗi năm; tổng chiều dài hệ thống kênh mương đạt 8.085 km (*kênh kiên cố 5.575km, kênh đất 2.375km; đường ống 135km*)<sup>1</sup>. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm lúa gạo và cải thiện thu nhập cho người trồng lúa.

Trước yêu cầu phát triển ngành lúa gạo theo hướng bền vững, gia tăng giá trị và thu nhập cho người sản xuất, việc tiếp tục quan tâm, hoàn thiện chính sách hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất; phát triển nguồn nhân lực; tăng cường quản lý, cải tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; đồng thời bảo vệ và khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất là hết sức cần thiết.

Xuất phát từ các căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, nhằm đẩy mạnh phát triển sản xuất lúa gạo, giữ vững an ninh lương thực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, để đảm bảo việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, phạm vi, định

---

<sup>1</sup> Tỉnh Tuyên Quang (cũ) có 2.843 công trình thủy lợi; tổng chiều dài hệ thống kênh mương 3.648km (*kênh kiên cố 2.732km, kênh đất 781km; đường ống 135km*); các công trình thủy lợi nêu trên đang phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho trên 41.600ha/năm diện tích đất sản xuất. Tỉnh Hà Giang (cũ) có 4.360 công trình thủy lợi; tổng chiều dài hệ thống kênh mương 4.437km (*kênh kiên cố: 2.843km, kênh đất: 1.594km*). Các công trình thủy lợi nêu trên đang phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho trên 38.100 ha/năm diện tích đất sản xuất.

mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

## **II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích ban hành Nghị quyết**

Nghị quyết ban hành nhằm cụ thể quy định về nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa; làm cơ sở pháp lý để các tổ chức, cá nhân có liên quan đến sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh thực hiện đảm bảo đúng quy định, có hiệu quả, phù hợp với thực tế địa phương, góp phần thúc đẩy sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Đất đai 2024, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 và Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, các văn bản có liên quan và phù hợp với điều kiện, tình hình thực tiễn, nhu cầu hỗ trợ phát triển sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 29/HĐND-KTNS ngày 22/01/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 406/UBND-THVX ngày 04/02/2025 về việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn bản số 2225/UBND-KT ngày 15/5/2025 về việc xây dựng dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Nghị quyết, quá trình thực hiện cụ thể như sau:

Trong năm 2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành (tại Tờ trình số 215/TTr-SNNMT ngày 06/6/2025). Tuy nhiên, qua rà soát các văn bản mới ban hành cho thấy: Tại điểm d khoản 4 Điều 21 của Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai đã quy định các Điều 11, 12 và 13 của Nghị định số

112/2024/NĐ-CP của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định 151/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. Do đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

- Ngày .../3/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Quyết định số .../QĐ-SNNMT ngày .../3/2026 về thành lập Tổ soạn thảo Nghị quyết của của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Ngày .../.../2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số .../SNNMT-TTBVTV đề nghị tham gia ý kiến, đăng hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gửi Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang, sở Tư pháp, sở Tài chính, sở Nội vụ, sở Khoa học và Công nghệ, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường. Kết quả: Đã có .../... cơ quan được lấy ý kiến đã có văn bản tham gia, trong đó có .../... cơ quan nhất trí hoàn toàn với dự thảo nghị quyết, .../... cơ quan có ý kiến tham gia; .../... cơ quan được lấy ý kiến nhưng không có văn bản tham gia.

- Ngày .../.../2026, Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử tỉnh có Văn bản số .../BBTCTTĐT về tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, kết quả từ ngày .../.../2026 đến hết ngày .../.../2026 ... nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin của Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

- Trên cơ sở các ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định tại Văn bản số...../SNNMT-TTBVTV ngày .../.../2026 về việc thẩm định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa.

- Ngày .../.../2026, Sở Tư pháp ban hành Báo cáo số .../BC-STP về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Ngày .../.../2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số .../BC-SNNMT, đồng thời chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### ***1.1. Phạm vi điều chỉnh***

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

#### ***1.2. Đối tượng áp dụng***

Người sử dụng đất trồng lúa và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

### **2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết**

Bố cục của dự thảo Nghị quyết gồm 06 điều, cụ thể:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng
- Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ
- Điều 3. Định mức hỗ trợ
- Điều 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ
- Điều 5. Tổ chức thực hiện
- Điều 6. Hiệu lực thi hành

### **3. Nội dung cơ bản**

#### **Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ**

Kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa được phân bổ, bố trí sử dụng nhằm bù đắp diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa. Đồng thời, hỗ trợ các địa phương đầu tư sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ triển khai, nhân rộng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### **Điều 3. Định mức hỗ trợ**

1. Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa:

a) Mức hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn; sử dụng giống lúa hợp pháp; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận được thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 12/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí chi hoạt động khuyến nông, tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn cho nông dân.

c) Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng kinh phí thực hiện một mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng kinh phí thực hiện một mô hình liên kết trên địa bàn còn lại.

2. Hỗ trợ 100% kinh phí cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa.

3. Hỗ trợ 100% kinh phí đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần.

4. Hỗ trợ 100% kinh phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, phường.

5. Hỗ trợ không quá 50% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ, mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/01 giống.

#### **Điều 4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ**

1. Sử dụng không thấp hơn 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Xây dựng mô hình trình diễn; sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiên bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2. Phần kinh phí còn lại sau khi thực hiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện các hoạt động sau: Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã; hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được phân bổ theo tỷ lệ diện tích đất trồng lúa của từng xã (*bao gồm: đất chuyên trồng lúa, đất trồng lúa còn lại, đất trồng lúa trong vùng quy hoạch sản xuất lúa năng suất, chất lượng cao*) trên tổng diện tích đất trồng lúa toàn tỉnh.

### **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA**

#### **1. Dự kiến nguồn lực**

Nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ sản xuất lúa theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

#### **2. Điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết**

Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo các điều kiện và tổ chức triển khai nghị quyết hiệu quả. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Nông nghiệp và Môi trường xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình gồm:

(1) Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

(2) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết;

(3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị vào dự thảo Nghị quyết;

(4) Báo cáo số .../BC-STP ngày .../.../2026 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

(5) Báo cáo số .../BC-SNNMT ngày .../.../2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTBVTV. (Hn)

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Mạnh Duyệt**